



Merkblatt für Visumanträge für Wissenschaftler und Forscher

Hướng dẫn thủ tục xin cấp thị thực cho nhà khoa học, nhà nghiên cứu

Vollständiger Name des Antragstellers: _____ (Họ và tên)
Staatsangehörigkeit: _____ (Quốc tịch)

Die nachfolgenden Unterlagen sind **IM ORIGINAL** bei einer Visumantragstellung bei den deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam vollständig im Rahmen einer persönlichen Vorsprache des Antragstellers vorzulegen.

Người xin thị thực phải trực tiếp có mặt và nộp đầy đủ các giấy tờ nêu dưới đây (**nộp BẢN GỐC**) tại Cơ quan đại diện CHLB Đức tại Việt Nam.

Es wird darum gebeten, die Dokumente in der unten aufgeführten Reihenfolge zu sortieren.

Xin vui lòng sắp xếp giấy tờ theo thứ tự trong danh sách này.

Jede Unterlage muss jeweils im Original + eine einfache (unbeglaubigte) Kopie eingereicht werden. Bitte fertigen Sie von allen Dokumenten, die nicht bereits in deutscher Sprache vorhanden sind (außer englischsprachige Unterlagen), eine Übersetzung ins Deutsche an.

Đối với mỗi giấy tờ, Quý vị phải cung cấp bản gốc + 1 bản sao không cần công chứng. Quý vị vui lòng nộp kèm bản dịch ra tiếng Đức tất cả những giấy tờ không bằng tiếng Đức (trừ những giấy tờ bằng tiếng Anh).

Bitte kreuzen Sie für alle Unterlagen, die Sie vorlegen, die Kästchen in der rechten Spalte an, und unterschreiben Sie am Ende das Merkblatt auf der letzten Seite.

Đề nghị Quý vị đánh dấu giấy tờ có nộp vào các ô ở cột bên phải và kí tên xác nhận ở trang cuối cùng của bản hướng dẫn.

Der Visumantrag muss nachfolgende Unterlagen enthalten:	Vom Antragsteller eingereicht Người xin thị thực có nộp	Nur durch VFS/AV auszufüllen Chỉ điền bởi nhân viên VFS/Cơ quan đại diện Đức	Anmerkungen Ghi chú
Hồ sơ xin cấp thị thực phải có những giấy tờ sau:			
1. vollständig ausgefülltes und vom Antragsteller unterschriebenes Antragsformular für nationale Visa (<u>Online-Antragsformular „VIDEX“</u>) <i>Tờ khai xin cấp thị thực quốc gia (thị thực dài hạn), được khai đầy đủ và có chữ ký của người nộp đơn (<u>tờ khai trực tuyến „VIDEX“</u>).</i>			
2. Zwei aktuelle biometrische Passfotos (45mm x 35mm) (<u>Fotomustertafel</u>) Bitte kleben Sie nur ein Passfoto auf das Antragsformular auf und legen Sie das zweite lose bei. <i>Hai ảnh hộ chiếu sinh trắc học, cỡ 45 mm x 35mm (<u>Hướng dẫn về ảnh chụp xin cấp thị thực</u>). Đề nghị Quý vị dán 1 ảnh vào tờ khai xin cấp thị thực và nộp 1 ảnh để rời.</i>			
3. gültiger Reisepass (oder anerkanntes Passersatzdokument) mit mindestens zwei leere Seiten. Bitte bedenken Sie, dass die Gültigkeit des Passes die Gültigkeitsdauer des Visums um mindestens drei Monate überschreiten muss. <i>Hộ chiếu có giá trị (hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu được công nhận) còn ít nhất 2 trang trống. Xin lưu ý: thời hạn còn lại của hộ chiếu phải dài hơn thời hạn thị thực ít nhất 3 tháng.</i>			
4. Unterschriebene Aufnahmevereinbarung (ein Muster finden Sie <u>hier</u>) oder entsprechender Vertrag mit einer deutschen Forschungseinrichtung/ Hochschule im Original Der Vertrag muss folgende Angaben beinhalten:			



• die Art der wissenschaftlichen Tätigkeit • die zu besetzende Stelle • die Dauer des Aufenthalts • die Finanzierung des Aufenthalts (entweder die Höhe des Gehalts oder die Höhe des Stipendiums und aus welchen Mitteln dieses Stipendium gewährt wird) • die einladende Institution Ggf. Nachweis über die Anerkennung der jeweiligen Forschungseinrichtung durch das BAMF. Bản chính văn bản thỏa thuận tiếp nhận có chữ ký (xin xem mẫu tại đây Link) hoặc bản chính hợp đồng với cơ sở nghiên cứu/trường đại học Đức. Hợp đồng phải có những thông tin sau: • Loại hình công việc nghiên cứu khoa học • Vị trí việc làm • Thời gian lưu trú • Chi trả cho việc lưu trú (mức lương hoặc mức học bổng và nguồn học bổng) • Tổ chức đứng ra mời Trong trường hợp nhất định có thể phải nộp văn bản công nhận cơ sở nghiên cứu do Cơ quan Di cư và Người lánh nạn liên bang Đức (BAMF) cấp.			
5. Qualifikationsnachweise: Nachweis Doktorgrad oder Hochschulabschluss, der Zugang zu Doktorandenprogrammen eröffnet. Bằng cấp chuyên môn: bằng tiến sĩ hoặc bằng đại học, mà với bằng đó người nộp đơn có thể tiếp cận các chương trình tiến sĩ.			
6. Schriftliche Kostenübernahmeverpflichtung für Kosten, die öffentlichen Stellen bis zu sechs Monate <u>nach der Beendigung</u> der Aufnahmevereinbarung entstehen – hiervon kann abgesehen werden, wenn die Tätigkeit der Forschungseinrichtung überwiegend aus öffentlichen Mitteln finanziert wird oder ein besonderes öffentliches Interesse besteht. Văn bản cam kết chi trả các chi phí phát sinh trong vòng 6 tháng <u>sau khi kết thúc</u> thỏa thuận tiếp nhận mà các cơ quan công quyền phải gánh chịu – Có thể miễn nộp nếu hoạt động của cơ sở nghiên cứu chủ yếu được tài trợ từ ngân sách công hoặc có lợi ích công cộng đặc biệt.			
7. Nachweis ausreichender finanzieller Mittel durch die Aufnahmevereinbarung/den entsprechenden Vertrag, ein Sperrkonto oder ein Stipendium. Für den Aufenthalt in Deutschland müssen dem Antragsteller monatlich mind. 1.091 EUR € zur Verfügung stehen, wenn kein Beschäftigungsverhältnis begründet wird. Der Nachweis über diese Mittel kann durch die Aufnahmevereinbarung/den entsprechenden Vertrag nachgewiesen erbracht werden. Soweit ein Beschäftigungsverhältnis vorgesehen ist, muss mindestens der gesetzliche Mindestlohn nachgewiesen werden. Bei Antragstellung sind finanzielle Mittel für die gesamte Zeit des Aufenthalts nachzuweisen. Bằng chứng về việc có đủ khả năng tài chính: thỏa thuận tiếp nhận/hợp đồng, tài khoản phong tỏa hoặc học bổng. Nếu không thiết lập quan hệ lao động thì trong thời gian lưu trú tại Đức người nộp đơn phải có ít nhất 1.091 Euro mỗi tháng. Có thể chứng minh tài chính bằng cách nộp thỏa thuận tiếp nhận/hợp đồng. Trong trường hợp có kế hoạch thiết lập quan hệ lao động thì phải chứng minh rằng lương nhận			



được ít nhất phải bằng mức lương tối thiểu theo luật định.. Khi nộp hồ sơ xin cấp thị thực, người nộp đơn phải chứng minh tài chính cho toàn bộ thời gian lưu trú.

8. Nachweis über ausreichenden Krankenversicherungsschutz für die Einreise
gültig ab dem gewünschten Einreisetag und bis zum Beginn der Arbeitsaufnahme.

Bảo hiểm y tế

Chứng nhận có đủ bảo hiểm y tế cho thời gian từ ngày dự định nhập cảnh đến ngày bắt đầu làm việc.

Durch meine Unterschrift bestätige ich, dass ich folgende Informationen verstanden habe:

Für die Dauer der Bearbeitung meines Visumantrags verbleibt der Reisepass bei der Visastelle der deutschen Auslandsvertretung. Unvollständig abgegebene Antragsunterlagen können eine längere Bearbeitungsdauer notwendig machen oder zu einer Ablehnung des Visumantrags führen.

Verweigerte, bewusst falsche oder unvollständige Angaben im Visumverfahren können ein Ausweisungsinteresse begründen.

Die deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam behalten sich das Recht vor, weitere, über die o.g. Liste hinausgehende Unterlagen oder Informationen bei Bedarf nachzufordern.

Với việc ký tên dưới đây, tôi xác nhận đã hiểu rõ các thông tin sau:

Hộ chiếu của tôi sẽ được lưu tại Phòng Thị thực của Cơ quan đại diện CHLB Đức trong thời gian xử lý hồ sơ xin cấp thị thực.

Việc nộp hồ sơ không đầy đủ giấy tờ có thể làm cho thời gian xử lý bị kéo dài hoặc hồ sơ bị từ chối.

Việc từ chối cung cấp thông tin, cố ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ trong quá trình xin cấp thị thực có thể là lý do để trục xuất.

Ngoài những giấy tờ nêu trên, Cơ quan đại diện CHLB Đức có quyền yêu cầu bổ sung thêm các giấy tờ hoặc thông tin khác nếu cần thiết.

Ort und Datum/Địa điểm và ngày

Unterschrift des Antragstellers/Chữ ký của người nộp đơn